

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong tháng 9 năm 2026**

Thực hiện quy định tại điểm c Mục 3 Phần IV Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND), Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong tháng 9 năm 2026, cụ thể như sau:

I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND, UBND, CHỦ TỊCH UBND TỈNH

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh: Không có.

2. Quyết định của UBND tỉnh

- Quyết định số 98/2026/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 ban hành Quy định chế độ thông tin, báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 99/2026/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 ban hành Quy chế phối hợp xử lý các vấn đề về lãnh sự liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 100/2026/QĐ-UBND ngày 09/9/2026 ban hành Quy định về phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, ban hành, công bố quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 14/9/2026 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 102/2026/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 103/2026/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 ban hành Quy chế quản lý hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng và bùn thải trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 105/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026 ban hành Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 106/2026/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 quy định danh mục loại dự án đặc thù; tổng mức đầu tư tối đa của một dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

- Quyết định số 107/2026/QĐ-UBND ngày 28/9/2026 ban hành Quy định về khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 quy định thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 109/2026/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 quy định về số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với Cộng tác viên dân số thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 110/2026/QĐ-UBND ngày 30/9/2026 quy định tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh

Quyết định số 06/2026/QĐ-CTUBND ngày 03/9/2026 ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Quyết định của UBND tỉnh

1.1. Quyết định số 98/2026/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 ban hành Quy định chế độ thông tin, báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 16/9/2026, bãi bỏ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về chế độ thông tin, báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành; các tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã); các cơ quan, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền và trách nhiệm trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Báo cáo định kỳ thuộc lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được thực hiện hằng quý, 6 tháng, 9 tháng và hằng năm.

- Báo cáo chuyên đề là báo cáo để đáp ứng yêu cầu thông tin có tính chuyên sâu về một chủ đề thuộc lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được thực hiện một hoặc nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định.

- Báo cáo đột xuất là báo cáo để đáp ứng yêu cầu thông tin về vấn đề phát sinh bất thường trong các lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh, Thanh tra Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Hình thức báo cáo: Báo cáo được thể hiện bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và được đóng dấu theo quy định.

- Báo cáo được gửi tới cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: Gửi qua hệ thống văn bản điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước; Gửi qua thư điện tử của cơ quan hành chính nhà nước; Gửi trực tiếp; Gửi qua dịch vụ bưu chính; Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo và số liệu báo cáo nhập liệu vào phần mềm hệ thống báo cáo của ngành Thanh tra theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

- Thanh tra tỉnh giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai, sử dụng có hiệu quả hệ thống báo cáo điện tử của ngành Thanh tra.

1.2. Quyết định số 99/2026/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 ban hành Quy chế phối hợp xử lý các vấn đề về lãnh sự liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 15/9/2026, bãi bỏ Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế phối hợp xử lý các vấn đề lãnh sự liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xử lý các vấn đề lãnh sự liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị); các tổ chức,

doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và cá nhân trên địa bàn tỉnh có các hoạt động liên quan đến người nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân); người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại tỉnh (sau đây gọi tắt là người nước ngoài, bao gồm người có quốc tịch nước ngoài và người không quốc tịch); các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Nguyên tắc phối hợp

+ Bảo đảm tuân thủ các quy định của thông lệ quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết các vấn đề lãnh sự liên quan đến người nước ngoài;

+ Bảo đảm tính kịp thời, hiệu quả trong quá trình phối hợp giải quyết các vấn đề về lãnh sự có liên quan đến người nước ngoài giữa các cơ quan, đơn vị với các tổ chức, cá nhân trong tỉnh và giữa các cơ quan, đơn vị của tỉnh với Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam. Đề cao trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân khi phát sinh các vấn đề về lãnh sự liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

+ Công tác phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan đã được pháp luật quy định. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan để bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành;

+ Bảo đảm bí mật nhà nước.

- Các trường hợp phối hợp và trách nhiệm thông báo

+ Các trường hợp thực hiện phối hợp theo Quy chế này bao gồm: người nước ngoài bị tạm giam, tạm giữ và thi hành án phạt tù trên địa bàn tỉnh; tai nạn giao thông liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn tỉnh; người nước ngoài tử vong trên địa bàn tỉnh; các vấn đề lãnh sự khác liên quan đến người nước ngoài xảy ra trên địa bàn tỉnh (như mất hộ chiếu, giấy tờ, tài sản hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật);

+ Khi phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thông báo ngay cho Công an tỉnh; đồng thời, cung cấp thông tin liên quan đến vụ việc (nếu có).

1.3. Quyết định số 100/2026/QĐ-UBND ngày 09/9/2026 ban hành Quy định về phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, ban hành, công bố quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 18/9/2026.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định về phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, ban hành, công bố quy chế quản lý kiến trúc đô thị, quy chế quản lý kiến

trúc điểm dân cư nông thôn (gọi chung là quy chế quản lý kiến trúc) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường được phân công tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, ban hành, công bố quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tư vấn lập và các hoạt động liên quan đến thực hiện quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Trường hợp lập Quy chế quản lý kiến trúc: Quy chế quản lý kiến trúc đô thị được lập cho các đô thị hiện hữu và đô thị dự kiến trong phương án phát triển hệ thống đô thị được tích hợp trong Quy hoạch Tỉnh, Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn Quốc gia. Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn được lập cho các xã là các đơn vị hành chính cấp xã còn lại.

- Thẩm quyền tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc

- + Phân cấp cho Sở Xây dựng lập quy chế quản lý kiến trúc đối với các đô thị có ranh giới từ 2 phường, xã trở lên;

- + Phân cấp cho UBND cấp xã tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị và quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trình tự thực hiện theo các bước quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP;

- + Thời gian lập quy chế quản lý kiến trúc thực hiện theo Điểm a Khoản 6 Điều 17 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

- Thẩm quyền thẩm định quy chế quản lý kiến trúc

- + Sở Xây dựng tổ chức thẩm định quy chế quản lý kiến trúc đô thị;

- + Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý kiến trúc thuộc UBND cấp xã tổ chức thẩm định quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn;

- + Nội dung thẩm định và tổ chức lấy ý kiến về quy chế quản lý kiến trúc, cơ quan được phân công tại Khoản 1, 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP.

- Thẩm quyền phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc

- + UBND tỉnh phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị trên địa bàn tỉnh;

- + UBND cấp xã phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trên địa bàn mình quản lý.

1.4. Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 14/9/2026 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 25/9/2026, bãi bỏ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh đã ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác của tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng ủy thác và các phụ lục hợp đồng ủy thác đã ký giữa cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao ký hợp đồng ủy thác và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung hằng năm và giai đoạn (tùy theo tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối của ngân sách) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

+ Nguồn tiền lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay các chương trình tín dụng chính sách, được trích hằng năm để bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định tại Quy chế này và nguồn vốn khác (nếu có) theo Quyết định của UBND tỉnh;

+ Phần chênh lệch Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Quy chế này.

- Nguyên tắc cho vay

+ Việc cho vay phải bảo đảm đúng đối tượng và đủ điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này;

+ Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo hợp đồng vay vốn;

+ Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan

liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng được vay vốn, tuy nhiên phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật;

+ Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách không đúng mục đích.

- Quy định ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Giao Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Hằng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh căn cứ kết quả thực hiện cho vay, nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng, khả năng sử dụng và thu hồi nguồn vốn ủy thác, báo cáo tình hình thực hiện 06 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm, số vốn dự kiến thu hồi trong năm tiếp theo và đề xuất nhu cầu vốn ngân sách tỉnh ủy thác năm tiếp theo (chi tiết theo từng chương trình tín dụng chính sách), gửi Sở Tài chính tổng hợp. Trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán: Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

1.5. Quyết định số 102/2026/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 25/9/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này (gồm 10 tiêu chí).

- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội được giao phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu có trách nhiệm

+ Căn cứ hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương và quy định tại Quyết định này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn nghiệp vụ, hồ sơ minh chứng; tổ chức theo dõi, thẩm định, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách;

+ Định kỳ (06 tháng, hằng năm) và đột xuất theo yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này và báo cáo UBND tỉnh theo quy định;

+ Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và UBND các xã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quyết định này đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

- UBND các xã

+ Chủ động rà soát, đánh giá mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu; xây dựng kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới bảo đảm thực chất, hiệu quả;

+ Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn;

+ Định kỳ (6 tháng, hằng năm) và đột xuất báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

1.6. Quyết định số 103/2026/QĐ-UBND ngày 17/9/2026 ban hành Quy chế quản lý hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 29/9/2026, bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên và Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định về nguyên tắc quản lý, thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục giải quyết xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Đắk Lắk; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Đối tượng áp dụng: cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh; người giữ chức danh, chức vụ quản lý, kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc phạm vi quản lý của UBND

tỉnh và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi đại diện chủ sở hữu của UBND tỉnh (sau đây gọi chung là người lao động); các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

- Những hành vi bị xem xét, xử lý trách nhiệm

+ Tự ý xuất cảnh, tự ý tham gia các hoạt động ngoài chương trình được phê duyệt, tự ý ở lại nước ngoài quá thời hạn khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền;

+ Có phát ngôn, đoạn viết, bài viết, hình ảnh hoặc có các hành động dưới bất kỳ hình thức nào trái với quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi đến; gây ảnh hưởng xấu đến uy tín quốc gia, dân tộc;

+ Báo cáo không đúng mục đích xuất cảnh; xuất cảnh đến quốc gia, vùng lãnh thổ chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền;

+ Sử dụng ngân sách Nhà nước, hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ để xuất cảnh vì việc riêng; khi chưa được cho phép của cơ quan có thẩm quyền;

+ Làm lộ, lọt tài liệu mật, bí mật nhà nước trong thời gian ở nước ngoài; mang theo tài liệu, bí mật nhà nước ra nước ngoài khi chưa được phép của cấp có thẩm quyền;

+ Mang theo vũ khí, thiết bị kỹ thuật, phương tiện nghiệp vụ, tài sản được cơ quan giao quản lý ra nước ngoài không phục vụ mục đích công vụ hoặc khi chưa được phép của cấp có thẩm quyền;

+ Thực hiện những hành vi xuất cảnh, nhập cảnh khác bị pháp luật nghiêm cấm.

- Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi xuất cảnh đi công tác, học tập hoặc giải quyết việc riêng

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trước khi xuất cảnh phải báo cáo bằng văn bản cho người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường nơi mình công tác về mục đích, chương trình, nội dung, thời gian xuất cảnh; bàn giao hồ sơ, tài liệu, công việc đang thực hiện, các trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện nghiệp vụ, tiền, tài sản được đơn vị giao quản lý; các giấy tờ, biển hiệu, số hiệu được cấp để thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

+ Trong thời gian xuất cảnh, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện đúng mục đích, chương trình, nội dung công việc đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép trước khi đi và thời gian xuất cảnh; không được tự ý tách khỏi đoàn để giải quyết công việc cá nhân; tuân thủ các quy định của nhà nước và pháp luật nước sở tại; chấp hành nghiêm túc quy định về bảo vệ bí mật nhà nước;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hoạt động nhập cảnh, cán bộ, công chức, viên chức nộp lại hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ cho cơ quan, người được ủy quyền quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ quản lý; đồng thời cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là trưởng đoàn hoặc trưởng hợp xuất cảnh công tác, học tập độc lập phải có văn bản báo cáo kết quả chuyển đi

và thời gian ở nước ngoài, nhất là những vấn đề đáng lưu ý về công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ nội bộ đến cấp có thẩm quyền cho phép đi nước ngoài và Văn phòng UBND tỉnh;

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là đảng viên khi xuất cảnh, nhập cảnh, ngoài việc thực hiện các quy định nêu trên còn phải thực hiện theo các quy định của Đảng đối với đảng viên khi xuất nhập cảnh;

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị có quy định riêng về xuất cảnh, nhập cảnh, khi tham gia đoàn công tác do cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh chủ trì, ngoài việc thực hiện theo Quy chế này phải thực hiện theo quy định của các cơ quan, đơn vị quản lý;

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi có quyết định cho phép xuất cảnh của cấp có thẩm quyền, nếu không xuất cảnh phải báo cáo bằng văn bản và nêu rõ lý do với cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định;

+ Không được tự ý ở lại nước ngoài quá thời gian quy định mà không xin phép hoặc xin phép nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

1.7. Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng và bùn thải trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 02/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng và bùn thải trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định chi tiết các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT), chất thải rắn xây dựng (CTRXD), bùn thải và chất thải rắn công kênh (CTRCK) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 58; khoản 8 Điều 64; khoản 7 Điều 72; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 75; khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 16/2023/QH15).

- Đối tượng áp dụng: cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc phát sinh và quản lý CTRSH, CTRCNTT, CTRXD và bùn thải trên địa bàn tỉnh.

- Nguyên tắc chung

+ Quản lý chất thải rắn là trách nhiệm của toàn xã hội, tuân thủ nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả tiền";

- + Phân loại chất thải rắn tại nguồn là trách nhiệm bắt buộc của mọi chủ nguồn thải. CTRSH sau phân loại phải được lưu giữ trong các bao bì, thiết bị đúng quy cách;
- + Ưu tiên tối đa các hoạt động theo thứ bậc: giảm thiểu phát sinh, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng. Hạn chế tối đa việc chôn lấp trực tiếp chất thải;
- + Mọi hoạt động quản lý chất thải rắn phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường;
- + Khuyến khích xã hội hóa, áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường trong thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn.

- Quy định cụ thể về quy trình phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (gồm: chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công kênh; chất thải rắn công nghiệp thông thường; quản lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải); trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.8. Quyết định số 105/2026/QĐ-UBND ngày 23/9/2026 ban hành Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 03/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ) ban hành Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định của khoản 2 Điều 47 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

- Đối tượng áp dụng: tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; người điều khiển phương tiện; hành khách; người thuê vận chuyển hàng hóa; Sở Xây dựng; Công an tỉnh; Thuế tỉnh Đắk Lắk; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường; Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk; cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ có liên quan đến việc quản lý, kiểm tra, xử lý hoạt động sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Quy định này không áp dụng đối với xe thô sơ là xe lăn dùng cho người khuyết tật, xe tương tự xe lăn dùng cho người khuyết tật; xe thô sơ là xe vật nuôi kéo, xe tương tự xe vật nuôi kéo.

- Xe mô tô được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 34 của Luật số 36/2024/QH15.
- Xe gắn máy được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 34 của Luật số 36/2024/QH15.
- Xe thô sơ được quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật số 36/2024/QH15.
- Kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ là hoạt động do tổ chức, cá nhân sử dụng các loại xe này để cung cấp dịch vụ vận tải người, hàng hóa trên đường bộ nhằm mục đích sinh lợi.
- Hành khách vận chuyển trên xe
 - + Được vận chuyển theo thỏa thuận, cam kết với tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải, thanh toán tiền cước chuyến đi theo giá niêm yết hoặc theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải. Có quyền khiếu nại về chất lượng phục vụ thông qua đường dây nóng của cơ quan quản lý;
 - + Chấp hành quy định về vận tải; thực hiện đúng hướng dẫn của lái xe; không mang theo hàng hóa cấm lưu thông, cấm vận chuyển theo quy định của pháp luật;
 - + Chấp hành quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ; hành khách được chở trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp máy phải thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 31 và khoản 2 Điều 33 Luật số 36/2024/QH15;
 - + Thực hiện phòng, chống dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

1.9. Quyết định số 106/2026/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 quy định danh mục loại dự án đặc thù; tổng mức đầu tư tối đa của một dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 06/10/2026, bãi bỏ các Quyết định sau đây: Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk (trước đây) ban hành danh mục các dự án thuộc lĩnh vực dân dụng được áp dụng cơ chế đặc thù để quản lý đầu tư xây dựng trong các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Nội dung chủ yếu: quy định danh mục loại dự án đặc thù; tổng mức đầu tư tối đa của một dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại khoản 3 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành; UBND cấp xã được giao quản lý hoặc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030; các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

- Danh mục loại dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030: Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, sửa chữa, cải tạo có tính chất kỹ thuật đơn giản hoặc sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc dự án sử dụng thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn tỉnh, thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện trên địa bàn do UBND cấp xã quản lý được quy định cụ thể như sau:

+ Loại dự án công trình đường nông thôn: Đường xã; đường thôn, buôn; đường ngõ, xóm;

+ Loại dự án công trình dân dụng: Công trình chợ: Chợ nông thôn; Công trình văn hóa: Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, buôn; thư viện công cộng cấp xã; nhà văn hóa cộng đồng (Nhà sinh hoạt cộng đồng) kết hợp phòng tránh lũ ở thôn, buôn; Công trình giáo dục, đào tạo: Trường mầm non; trường tiểu học; trường trung học cơ sở; Công trình y tế: Trạm Y tế xã; điểm trạm Y tế; Công trình điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập internet);

+ Loại dự án công trình hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn; Công trình thoát nước; Công trình chiếu sáng công cộng; Công trình công viên cây xanh.

- Tổng mức đầu tư tối đa một dự án theo từng loại dự án được quy định tại Điều 2 Quyết định này không vượt quá 5 tỷ đồng.

1.10. Quyết định số 107/2026/QĐ-UBND ngày 28/9/2026 ban hành Quy định về khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 05/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy định về khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định về khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh; việc tổ chức đặt biển báo “Khu vực bảo vệ”, “Khu vực cấm tập trung đông người”, “Cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh”; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các quy định này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, tổ chức và cá nhân là người Việt Nam cư trú và hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; các cơ quan, tổ chức và cá nhân người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

- Khu vực bảo vệ là khu vực được xác định về địa điểm, phạm vi để áp dụng các biện pháp, bố trí lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Khu vực bảo vệ có thể được xác định thường xuyên hoặc trong thời gian nhất định tùy theo tính chất, yêu cầu bảo vệ.

- Khu vực cấm tập trung đông người là những khu vực không được tập trung từ 05 người trở lên nhằm mục đích đưa ra những yêu cầu, kiến nghị về các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức hoặc những vấn đề có liên quan đến chính trị - xã hội hoặc liên quan đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân khác mà chưa được các cơ quan có thẩm quyền cho phép.

- Khu vực chứa bí mật nhà nước là những khu vực, địa điểm đang lưu giữ, bảo quản nhiều tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước hoặc những địa điểm tổ chức các hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước được người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định là khu vực, địa điểm chứa bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Khu vực bảo vệ

+ Khu vực nhà riêng, nơi lưu trú của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước giữ các chức vụ theo quy định tại Điều 10 Luật Cảnh vệ số 13/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 40/2024/QH15 đang có chương trình hoạt động, làm việc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

+ Trụ sở các cơ quan: Tỉnh ủy Đắk Lắk; HĐND; UBND tỉnh Đắk Lắk; Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 11; Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk; Đài thu phát sóng truyền hình Quốc gia Chóp Chài; Đài phát sóng khu vực Tây Nguyên; Cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên;

+ Các khu vực khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khi xét thấy cần thiết: khu vực đang xảy ra những vụ việc nghiêm trọng liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; khu vực đang xảy ra thảm họa do thiên nhiên, con người, có dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô lớn, đe dọa nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân; khu vực đang diễn ra các hội nghị, hội thảo quốc tế; các hoạt động chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa - xã hội quan trọng do các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và địa phương chủ trì tổ

chức có yêu cầu cần bảo vệ theo quy định của pháp luật; khu vực đang diễn ra các hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước.

- Cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trong các khu vực sau:

- + Khu vực, địa điểm chứa bí mật nhà nước;

- + Địa điểm đang diễn ra các hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước;

- + Khu vực đang xảy ra các vụ việc phức tạp có ảnh hưởng đến tình hình an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và những vấn đề khác yêu cầu giữ bí mật cần phải cấm người không có trách nhiệm tự ý ghi âm, ghi hình, chụp ảnh.

- Công an tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện, thường xuyên rà soát, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện theo quy định.

1.11. Quyết định số 108/2026/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 quy định thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 13/10/2026, bãi bỏ các Điều: 1, 2, 4, 5, 6, 7 và 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy định về tổng diện tích các phòng máy của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và thời gian hoạt động của đại lý Internet, điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND hết hiệu lực toàn bộ).

b) Nội dung chủ yếu: quy định thời gian hoạt động của các đại lý Internet; điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử; điểm truy nhập Internet công cộng tại khách sạn, nhà hàng, sân bay, bến tàu, bến xe, quán cà phê và điểm công cộng khác không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: tổ chức, cá nhân quản lý, thiết lập, cung cấp dịch vụ tại các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian hoạt động của các đại lý Internet, điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử từ 07 giờ 00 phút đến 22 giờ 00 phút hằng ngày (không được hoạt động từ 22 giờ 00 phút đến 07 giờ 00 phút sáng hôm sau).

- Thời gian hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tại khách sạn, nhà hàng, sân bay, bến tàu, bến xe, quán cà phê và điểm công cộng khác không thu cước, thực hiện theo thời gian quy định tại khoản 1 Điều này.

- Thời gian hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử tại khách sạn, nhà hàng, sân bay, bến tàu, bến xe, quán cà phê và điểm công cộng khác có thu cước, thực hiện giờ mở, đóng cửa theo giờ mở, đóng cửa của địa điểm.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

+ Tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

+ Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, UBND cấp xã, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến quy định về thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử;

+ Tổng hợp tình hình hoạt động của các đại lý Internet, điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất theo quy định.

1.12. Quyết định số 109/2026/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 quy định về số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với Cộng tác viên dân số thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 13/10/2026, bãi bỏ Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) về quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với Cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định về số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với Cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: Cộng tác viên dân số tại các thôn, buôn, tổ dân phố của các xã, phường thuộc tỉnh Đắk Lắk; cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện việc xét chọn và ký hợp đồng trách nhiệm đối với Cộng tác viên dân số quy định tại điểm a khoản này; các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

- Số lượng Cộng tác viên dân số

+ Mỗi thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được bố trí 01 Cộng tác viên dân số;

+ Trường hợp địa bàn có quy mô dân số lớn: Thôn, buôn có từ 700 hộ gia đình đến dưới 1.100 hộ gia đình; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình đến dưới 1.500 hộ gia đình được bố trí 02 Cộng tác viên dân số; Thôn, buôn có từ 1.100 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.500 hộ gia đình trở lên được bố trí 03 Cộng tác viên dân số.

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp UBND các xã, phường triển khai hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

- UBND cấp xã chỉ đạo, bố trí nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho Trạm Y tế cấp xã, Cộng tác viên dân số hoạt động trên địa bàn.

- Trạm Y tế cấp xã trực tiếp quản lý, phân công nhiệm vụ, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, đánh giá hiệu quả công việc và thực hiện thanh quyết toán kinh phí chi trả thù lao cho Cộng tác viên dân số theo quy định.

1.13. Quyết định số 110/2026/QĐ-UBND ngày 30/9/2026 quy định tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành, bãi bỏ Quyết định số 62/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ, giao dự toán ngân sách gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định về tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán ngân sách trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2026/TT-BTC quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

- Đối tượng áp dụng: đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân bổ, giao dự toán ngân sách.

- Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách

+ Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh, cấp xã khi phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2026/TT-BTC; đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch các tài liệu thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán theo Phụ lục kèm theo Quyết định này và các văn bản có liên quan;

+ Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách thì thực hiện báo cáo thuyết minh theo quy định tại Quyết định này, phù hợp với nội dung dự toán được giao.

2. Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh

Quyết định số 06/2026/QĐ-CTUBND ngày 03/9/2026 ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 14/9/2026, bãi bỏ Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý, triển khai, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định một số nội dung về việc quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: UBND tỉnh; UBND các xã, phường (sau đây gọi chung là UBND cấp xã); các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, UBND cấp xã; các tổ chức hành chính ở cấp tỉnh, ở cấp xã; các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

- Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

+ Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ là thông điệp dữ liệu nhằm xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký số chuyên dùng công vụ;

+ Thiết bị lưu khóa bí mật là thiết bị vật lý chuyên dụng chứa khóa bí mật của thuê bao;

+ PKI Token là thiết bị lưu khóa bí mật và chứng thư chữ ký số của từng thuê bao;

+ SIM PKI là thiết bị thẻ SIM điện thoại có chức năng lưu khóa bí mật của thuê bao phục vụ ký số thông điệp dữ liệu trên thiết bị di động;

+ Thuê bao là cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, chấp nhận chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và giữ khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ được phát hành đó;

+ Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp là cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng trực tiếp quản lý thuê bao sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ;

+ Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định;

+ Yêu cầu chứng thực: Là các yêu cầu cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật;

+ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực: Là hệ thống điện tử hỗ trợ đăng ký, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trên môi trường mạng.

- Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

+ Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ của thuê bao cấp mới thời hạn có hiệu lực tối đa là 05 năm;

+ Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ của thuê bao được gia hạn thời hạn có hiệu lực được gia hạn tối đa là 03 năm;

+ Thời hạn có hiệu lực của một số loại chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ không được quy định tại Điều này được áp dụng theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 9 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Ủy quyền thực hiện một số dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ: Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk thực hiện một số dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ đối với các thuê bao thuộc phạm vi quản lý quy định tại Điều 2 Quy chế này và quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

+ Đối với cá nhân: Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 68/2024/NĐ-CP gửi qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực (tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn/>) hoặc Trực liên thông văn bản quốc gia (mã định danh G11.07.05 của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin - Ban Cơ yếu Chính phủ).

+ Đối với cơ quan, tổ chức: Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 68/2024/NĐ-CP gửi qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý

yêu cầu chứng thực (tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn/>) hoặc Trực liên thông văn bản quốc gia (mã định danh G11.07.05 của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin - Ban Cơ yếu Chính phủ).

+ Chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm: Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 68/2024/NĐ-CP gửi qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực (tại địa chỉ: <https://dichvucong.ca.gov.vn/>) hoặc Trực liên thông văn bản quốc gia (mã định danh G11.07.05 của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin - Ban Cơ yếu Chính phủ).

Trên đây là Thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Cục PBGDPL và TGPL;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh;
- Lưu: VT, NV3.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Thanh Thủy